

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 9 -2019

V/v: "Tranh chấp nam nữ
chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết
hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Kim Riêng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Kim Diễm
 2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Phúc– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:* Ông Kim Sum- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, về việc “*Tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Chí T, sinh năm 1976;
Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);
- *Bị đơn:* Ông Cao Hoàng Ph, sinh năm 1976;
Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2019 nguyên đơn bà Trần Thị Chí T trình bày: Vào năm 1996 bà và ông Cao Hoàng Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về sống bên cha mẹ ruột của bà tại ấp X, xã N, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất

hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường hay cự cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà và ông Cao Hoàng Ph là vợ chồng; Về con chung có 02 người con chung tên Cao Thị Đ, sinh ngày 10/7/1997 và Cao Hoàng P, sinh ngày 20/7/1999, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không có yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/8/2019 của bị đơn ông Cao Hoàng Ph trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị Chí T về thời gian sống chung, đó là vào năm 1996, ông và bà Trần Thị Chí T tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình đôi bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung và thường hay cự cãi nhau. Đến năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, từ lúc ly thân đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên với yêu cầu của bà Trần Thị Chí T không công nhận giữa ông và bà Trần Thị Chí T là vợ chồng thì ông cũng đồng ý; Về con chung, chúng tôi có 02 người con chung tên Cao Thị Đ, sinh ngày 10/7/1997 và Cao Hoàng P, sinh ngày 20/7/1999, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Không có vi phạm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Chí T và bị đơn ông Cao Hoàng Ph trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông Ph.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Chí T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph; Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Bà Trần Thị Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn bà Trần Thị Chí T và bị đơn ông Cao Hoàng Ph cùng có nơi cư trú tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Bà Trần Thị Chí T là nguyên đơn và ông Cao Hoàng Ph là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Bà T và ông Ph xác định quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, cũng từ đó vợ chồng không còn sống chung với nhau và cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà T và ông Ph đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Ph không được pháp luật công nhận là hợp pháp nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung có 02 người con chung tên Cao Thị Đ, sinh ngày 10/7/1997 và Cao Hoàng P, sinh ngày 20/7/1999. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông Ph xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Chí T.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph.

2. Về con chung có 02 người con chung tên Cao Thị Đ, sinh ngày 10/7/1997 và Cao Hoàng P, sinh ngày 20/7/1999. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông Ph xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Chí T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà Trần Thị Chí T đã nộp tại biên lai thu số 0003966 ngày 08/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên bà Trần Thị Chí T không phải nộp tiếp.

6. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Chí T và ông Cao Hoàng Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Kim Riêng